

Số: 665 /QLBMT-KT

V/v cung cấp báo giá lập dự toán duy trì hoặc lắp mới
các đường truyền thuê kênh tại Công ty QLBMT

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ viễn thông

Trước tiên, Công ty Quản lý bay miền Trung gửi đến Quý Công ty lời chào trân trọng.

Hiện nay Công ty Quản lý bay miền Trung đang có nhu cầu triển khai dịch vụ thuê kênh truyền sử dụng hàng năm tại đơn vị. Công ty Quản lý bay miền Trung đề nghị các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ viễn thông cung cấp báo giá để tiếp tục duy trì dịch vụ hoặc triển khai lắp mới các đường truyền chi tiết theo phụ lục kèm theo.

Báo giá chi tiết đề nghị gửi trong thời gian 05 ngày kể từ khi thông báo này được đăng tải tại website của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam.

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ:

- Công ty Quản lý bay miền Trung

+ Địa chỉ: Tòa nhà 148 Duy Tân, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

+ Số fax: (236).3825349

+ Liên hệ Ông: Nguyễn Lương Giám – ĐT: 0913.497.697

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Mạnh Thắng

PHỤ LỤC

Danh mục kênh truyền cần tiếp tục duy trì hoặc triển khai lắp mới

(Kèm theo công văn số 665 /QLBMT-KT ngày 26 /02/2025)

S TT	Hướng kết nối/Dịch vụ	Điểm đầu	Điểm cuối	Tốc độ (Kbps)	Mã kênh/IP tĩnh đang sử dụng	Mục đích sử dụng
I	Kênh thuê riêng					
1	Kênh thuê riêng ĐNG-QNM	Đài KSKL Đà Nẵng	Đài KSKL Chu Lai	2048	VNPT: 000133260TSL	VCL
2	Kênh thuê riêng ĐNG-HUE	Đài KSKL Đà Nẵng	Đài KSKL Phú Bài	2048	VNPT: A00141514	VCL
3	Kênh thuê riêng ĐNG- GLI	Đài KSKL Đà Nẵng	Đài KSKL Pleiku	2048	VNPT: A00141515	VCL
4	Kênh thuê riêng DNG-PCA	Đài KSKL Đà Nẵng	Đài KSKL Phù Cát	2048	VNPT: TSL-027939	VCL
5	Kênh thuê riêng QNN-HCM	Trạm Radar Qui Nhơn	AACC Hồ Chí Minh	384	VNPT: 93082400L300153	OCM 100
6	Kênh thuê riêng ĐNG -Quy Nhơn	Đài KSKL Đà Nẵng	Quy Nhơn	128	VNPT: A01332102	OCM 1000
7	Kênh thuê riêng DNG-CLA	Đài KSKL Đà Nẵng	Đài KSKL Chu Lai	256	VNPT: A00141389	OCM
8	Kênh thuê riêng ĐNG-HAN	Đài KSKL Đà Nẵng	ATCC/ HAN	2048	VNPT: A02007495	MP4100
9	Kênh thuê riêng Trạm QNN mới - AACC HCM	Trạm Rada TTQui Nhơn	AACC Hồ Chí Minh	2048	VNPT: LL001030393/ A02087676/ A02087677	MP4100
10	Kênh thuê riêng Văn phòng Trạm Radar QNN -06 TPP - Trạm VT VNPT QNN	06 Tổng Phước Phổ	Trạm VT VNPT -197 PBC	2048	VNPT: LL001060511	Hệ thống Viba QNN

11	Kênh thuê riêng Văn phòng Trạm Radar QNN -06 TPP - Trạm VT VNPT QNN	06 Tổng Phước Phổ	Trạm VT VNPT -197 PBC	2048	VNPT: LL0010605499	
12	Kênh thuê riêng Văn phòng Trạm Radar QNN -06 TPP - Trạm VT VNPT QNN	06 Tổng Phước Phổ	Trạm VT VNPT -197 PBC	2048	VNPT: LL00106506	
II Metronet						
1	Metronet tại Tổng đài -Đài KSKL Đà Nẵng	Tổng đài - Đội CNTT - Đài KSKL Đà Nẵng,	Tổng đài tầng 1 148 Duy Tân	1Mbps	VNPT: A01117434	Tổng đài
2	Metronet tại Tổng Đài – Tầng 1-148 Duy Tân	Tổng Đài – 148 Duy Tân	Tổng đài - Đội CNTT	1Mbps	VNPT: A01117413	Tổng đài
3	Metronet tại Tầng 3 -148 Duy Tân	Tầng 3- 148 Duy Tân	Đội CNTT - Đài KSKL ĐN	1Mbps	VNPT: A01110033	Đầu cuối giám sát camera
4	Metronet lắp tại Đội CNTT - Đài KSKL Đà Nẵng	Đội CNTT - Đài KSKL Đà Nẵng,	Tầng 3-148 Duy Tân	1Mbps	VNPT: A01110053	Đầu cuối giám sát camera
5	Metronet lắp tại Tầng 3, Đài KSKL Đà Nẵng	Điểm tổng/ Đài KSKLĐN		24 Mbps	VNPT: A01506502	Điểm tổng chung
6	Metronet lắp tại Đài KSKL Phú Bài	Đài KSKL ĐN	Phú Bài	4Mbps	VNPT: LT000000008	Camera
7	Metronet lắp tại Đài KSKL Chu Lai	Đài KSKL ĐN	Chu Lai	4Mbps	VNPT: LT000000009	Camera
8	Metronet lắp tại Đài KSKL Pleiku	Đài KSKL ĐN	Pleiku	4Mbps	VNPT: LT000000011	Camera
9	Metronet lắp tại Trạm Radar Son Trà 1	Đài KSKL ĐN	Trạm Radar Son Trà 1	2Mbps	VNPT: A00862680	Camera
10	Metronet Trạm Radar TT Qui Nhơn	Đài KSKL ĐN	Trạm Radar TT Qui Nhơn	2Mbps	VNPT: MW000394246	Camera
11	Metronet lắp đặt tại TT KSTC TS Cam Ranh	Đài KSKL ĐN	Trung tâm KSTC TS Cam	6 Mbps	VNPT: MW000403331	Camera



			Ranh			
12	Metronet lắp đặt tại Đài KSKT Tuy Hòa	Đài KSKL ĐN	Đài KSKT Tuy Hòa	6 Mbps	VNPT: MW000403407	Camera
13	Metronet lắp đặt tại TT KSTC TS Cam Ranh	Đài KSKL ĐN	Trung tâm KSTC TS Cam Ranh	2 Mbps	VNPT: A020116689 (ĐN) A02016671 (CR)	Dự báo Trend
14	Metronet lắp đặt tại Đài KSKT Tuy Hòa	Đài KSKL ĐN	Đài KSKT Tuy Hòa	2 Mbps	VNPT: A020116688 (ĐN) A02016660 (TH)	Dự báo Trend
15	Metronet lắp đặt tại Trạm Radar TT Quy Nhơn 06 TPP	Đài KSKL ĐN	Trạm Radar Quy Nhơn 06 TPP	3Mbps	VNPT: MN001093150	HNTH
16	Metronet lắp đặt tại 148 Duy Tân	Đài KSKL ĐN	148 Duy Tân	6Mbps	VNPT: MN001093144	HNTH
17	Metronet tại Tầng 3, Đài KSKL Đà Nẵng,	Điểm tổng 2/ Đài KSKLĐN đón STT 16,17,22		12Mbps	VNPT: MN0001093138	HNTH
18	Metronet lắp đặt tại TT KSTC TS Cam Ranh	TT KSTC TS Cam Ranh	Đài KSKL ĐN	1Mbps	VNPT: MN000109760	AMHS
19	Metronet lắp đặt tại Đài KSKT Tuy Hòa	Đài KSKT Tuy Hòa	Đài KSKL ĐN	1Mbps	VNPT: MN000108102	AMHS
20	Metronet tại Đài KSKL Phú Bài	Đài KSKL Phú Bài	Nhà ga T2 Cảng HK Phú Bài	2Mbps	VNPT: MN001237343	ARO-AIS
21	Metronet tại Phòng TTB nhà ga T2 Phú Bài	Nhà ga T2 Cảng HK Phú Bài	Đài KSKL Phú Bài	2Mbps	VNPT: MN001237344	ARO-AIS
22	Metronet tại Đài KSKL Phù Cát	Đài KSKL Phù Cát	Đài KSKL ĐN	3Mbps	VNPT: MN001093147	HNTH
23	Metronet AMHS lắp tại Đài KSKL Đà Nẵng, chia VLAN thành 02 kênh	Đài KSKL ĐN		1Mbps	VNPT: 91043200N108801	AMHS
24				1Mbps	VNPT: 91043200N109222	AMHS
25	Metronet AMHS lắp tại Đài KSKL Phú Bài			1Mbps	VNPT: 91043200N108810	AMHS

26	Metronet AMHS lắp tại Đài KSKL Chu Lai			1Mbps	VNPT: 91043200N108813	AMHS
27	Metronet AMHS lắp tại Đài KSKL Phù Cát			1Mbps	VNPT: 91043200N108811	AMHS
28	Metronet AMHS lắp tại Đài KSKL Pleiku			1Mbps	VNPT: 91043200N108809	AMHS
III Metronet của cả 2 nhà cung cấp dịch vụ						
29	Metronet tại Đài KSKL Phú Bài	ADS-B Đài KSKL Phú Bài	APP/TWR Đà Nẵng	1Mbps	VNPT: MN001139254 VNP-LD/00018739 Router: R_PB_12 PSZ26251M03 Viettel: t054_gmw_thongbkhtcdncntctdv Router: R_PB_22 PSZ26251KFC	ADS_B
30	Metronet tại Đài KSKL Đà Nẵng	APP/TWR Đà Nẵng	ADS-B Đài KSKL Phú Bài	1Mbps	VNPT: MN001139045 VNP-LD/00018704 Router: R_PB_11 PSZ26251F23 Viettel: d511_mw_thongbkhtcdncntctdv3 Router: R_PB_21 PSZ26251MCR	ADS_B
31	Metronet tại Đài KSKL Chu lai	ADS-B Đài KSKL Chu Lai	APP/TWR Đà Nẵng	1Mbps	VNPT: MN001139087 VNP-LD/00018711 Router: R_CL_12 PSZ26251HTX Viettel: MN001182928 Router: R_CL_22 PSZ26251MB6	ADS_B
32	Metronet tại Đài KSKL Đà Nẵng	APP/TWR Đà Nẵng	ADS-B Đài KSKL Chu Lai	1Mbps	VNPT: MN001139160 VNP-LD/00018727 Router: R_CL_11 PSZ26251MA7 Viettel: MN001182932 Router: R_CL_21 PSZ26251KJL	ADS_B

33	Metronet tại Đài KSKL Phù Cát	ADS-B Đài KSKL Phù Cát	APP/TWR Đà Nẵng	1Mbps	VNPT: MN001143978 VNP-LD/00019738 Router:R_PC_12 PSZ26251M8U Viettel: b056_mw_thongbkhtcdncntctdvv1 Router:R_PC_22 PSZ26251KJY	ADS_B
34	Metronet tại Đài KSKL Đà Nẵng	APP/TWR Đà Nẵng	ADS-B Đài KSKL Phù Cát	1Mbps	VNPT: MN001139193 VNP-LD/00018732 Router:R_PC_11 PSZ26251MCJ Viettel: d511_mw_thongbkhtcdncntctdvv5 Router:R_PC_21 PSZ26251M7J	ADS_B
35	Metronet tại Đài KSKL Pleiku	ADS-B Đài KSKL Pleiku	APP/TWR Đà Nẵng	1Mbps	VNPT: MN001139209 VNP-LD/00018732 Router"R_PL_12 PSZ26251LZK Viettel: g059_mw_thongbkhtcdncntctdvv Router:R_PL_22 PSZ26251NM3	ADS_B
36	Metronet tại Đài KSKL Đà Nẵng	APP/TWR Đà Nẵng	ADS-B Đài KSKL Pleiku	1Mbps	VNPT: MN001139209 VNP-LD/00018734 Router:R_PL_11 PSZ26251KZP Viettel: d511_mw_thongbkhtcdncntctdvv6 Router:R_PL_21 PSZ26251MCM	ADS_B
37	Metronet tại Đài KSKL Đà Nẵng	APP/TWR Đà Nẵng	Hà Nội	2Mbps	VNPT: MN001139050 VNP-LD/00018705 Router:R_DAN_HAN_1 PSZ26251M1V Viettel: d511_mw_thongbkhtcdncntctdvv7 Router:R_DAN_HAN_2 PSZ26251M7P	ADS_B

38	Metronet tại APP/TWR Đa Năng	APP/TWR Đa Năng	Hồ Chí Minh	2Mbps	VNPT: MN001139266 VNP-LD/00018740 Router:R_DAN_HCM_1 PSZ26251M4Y Viettel: d511_mw_thongbkhtcdncntctdv12 Router:R_DAN_HCM_2 PSZ26251KZT	ADS_B
39	Metronet tại Đài KSKL Tuy Hoà	ADS-B Đài KSKL Tuy Hoà	Hồ Chí Minh	1Mbps	VNPT: MN001139117 VNP-LD/00018715 Router:R_TH_12 PSZ26251MCL Viettel: MN001182914 Router: R_TH_22 PSZ26251M9J	ADS_B

Ghi chú:

- Mục I và II: Yêu cầu không sử dụng kênh truyền do Viettel cung cấp. Mục III yêu cầu sử dụng kênh truyền của 2 nhà cung cấp. Trường hợp lắp mới dịch vụ, yêu cầu các kênh truyền lắp mới phải đảm bảo đấu nối tương thích và hoạt động được với các hệ thống thiết bị tương ứng đang sử dụng trong toàn bộ Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam.
- Thời gian cam kết sử dụng dịch vụ tối thiểu: 01 năm.
- Báo giá bao gồm chi phí lắp đặt ban đầu (nếu có) và chi phí sử dụng hàng tháng, đầy đủ thuế và các chi phí liên quan.

HMS